

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh ngày: 19/11/1998;

Căn cước công dân số: 042198000745 do Cục C về TTXH cấp ngày 15/12/2023

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn H, sinh ngày: 08/7/1994;

Căn cước công dân số: 042094015205 do Cục C về TTXH cấp ngày 18/07/2023

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2025;

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Lê Văn H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn H thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Giao con chung Lê Trần Đức M, sinh ngày 24/09/2017 cho anh Lê Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi); giao con chung Trần Minh K, sinh ngày 01/11/2023 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị T và anh Lê Văn H về việc không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai ngăn cấm cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

2.3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung vợ chồng cụ thể như sau: Giao cho chị Trần Thị T sở hữu và sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất GCNQSDĐ số CM 244483, thửa đất số 126, tờ bản đồ số 54/371, diện tích 277,4m<sup>2</sup>; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, do UBND thị xã K cấp ngày 13/6/2018 mang tên ông Lê Văn H và bà Trần Thị T, trị giá thửa đất 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Chị Trần Thị T đưa lại cho anh Lê Văn H số tiền phân chia tài sản chung là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), anh Lê Văn H đã nhận đủ số tiền phân chia tài sản chung từ chị Trần Thị T vào ngày 13/01/2025 là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2.4. *Về nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí*:

Chị Trần Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí phân chia tài sản nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0008426 ngày 21/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh. Chị Trần Thị T còn phải nộp 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) án phí phân dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn H phải nộp 3.750.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí phân chia tài sản.

2.6. *Về chi phí xem xét thẩm định*: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Trần Thị T có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 54/371, diện tích 277,4m<sup>2</sup>; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh
- UBND phường K;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đinh Văn Tư**